

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 2	Lũy kế	Quý 2	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	148.516.932.423	313.010.751.015	204.290.861.517	424.474.922.046
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	78.742.782	164.560.084	234.450.223	308.208.436
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	148.438.189.641	312.846.190.931	204.056.411.294	424.166.713.610
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	95.813.389.026	209.630.051.184	141.593.475.748	259.716.295.354
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.624.800.615	103.216.139.747	62.462.935.546	164.450.418.256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	27.635.397.015	48.963.777.346	68.726.268.161	74.138.915.894
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	47.062.015.189	52.500.551.088	3.028.289.865	10.991.533.078
Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24		16.391.996.116	32.754.086.492	13.452.382.978	25.395.150.734
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.613.659.658	33.421.601.043	19.448.357.537	37.574.561.447
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.192.526.667	33.503.678.470	95.260.173.327	164.628.088.891
11. Thu nhập khác	31	VI.7	386.795.031	1.893.427.712	957.011.320	346.695.585
12. Chi phí khác	32		1.561.943.706	3.418.782.543	741.773.457	224.466.469
13. Lợi nhuận khác	40		(1.175.148.675)	(1.525.354.831)	215.237.863	122.229.116
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50		522.730.509	797.283.189	11.162.096.764	18.839.495.520
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		1.540.108.501	32.775.606.828	106.637.507.954	183.589.813.527
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.8	(632.522.379)	7.513.959.442	28.058.612.123	45.334.772.474
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62				(1.191.155.054)	(1.191.155.055)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		2.172.630.880	25.261.647.386	79.770.050.885	139.446.196.108
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(153.056.788)	(550.579.019)	1.015.087.915	1.015.087.915
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		2.325.687.668	25.812.226.405	78.754.962.970	138.431.108.193
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.9				

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vũng Tàu, ngày 01 tháng 08 năm 2010
Tổng Giám đốc

Lê Thành Hưng

Lê Minh Tuấn

Nguyễn Thiện Tuấn

